TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 184/2018/DS-PT
Ngày: 02/10/2018
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Huỳnh Văn Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Phạm Lan Chi là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2018/TLPT-DS ngày 18 tháng 5 năm 2018 về việc "tranh chấp đòi lại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2018/DS-ST ngày 26/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Võ Ngọc A, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Luật sư Trần C là luật sư của văn phòng luật sư Lê Minh Châu, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Việt K, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Bà Dương Thị B, sinh năm 1957 (vắng mặt)

2/ Bà Võ Thị U, sinh năm 1925 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

3/ Anh Lưu Minh T1, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

4/ Bà Trương Mỹ T2, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Võ Ngọc A, bị đơn Nguyễn Việt K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Mỹ T2

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, ông Võ Ngọc A trình bày:

Năm 2002, ông có chuyển nhượng bằng giấy tay phần đất 11 công tầm lớn của vợ chồng ông K và bà B, phần đất nằm trong tổng diện tích đất do bà Võ Thị U (mẹ ruột ông K) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSDĐ). Sau khi chuyển nhượng, ông K chưa làm thủ tục sang tên cho ông, vì giấy CNQSDĐ thời điểm đó đang thế chấp vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Đ (Ngân hàng). Đến năm 2011, ông sang phần đất đó cho người khác, nên ông yêu cầu ông K làm thủ tục sang tên. Do ông K không có tiền trả cho Ngân hàng nên ông K có mượn của ông 60.000.000đ để trả nợ Ngân hàng, đồng thời lấy giấy CNQSDĐ về làm thủ tục sang tên phần đất 11 công đã chuyển nhượng (Việc mượn tiền giữa ông và ông K không có làm biên nhận, nhưng đến ngày 23/02/2016 ông K có xác nhận là có nhận của ông 60.000.000đ). Sau đó, ông với ông K mang 60.000.000đ đến Ngân hàng để trả nợ.

Sau khi trả tiền Ngân hàng xong, ông K và bà U giao giấy CNQSDĐ cho ông giữ, khi nào ông K và bà U trả cho ông 60.000.000đ thì ông trả lại. Do thời gian kéo dài nhưng ông K, bà U không có tiền trả. Đến ngày 16/02/2014, bà U, ông K và bà B thống nhất giao cho vợ chồng ông 03 công đất tầm lớn để bán trừ nợ cho ông. Sau đó ông chuyển nhượng cho anh Lưu Văn T1 với giá 90.000.000đ, ông là người trực tiếp đi làm chuyển nhượng và nộp các khoản chi phí, thuế chuyển quyền (vì khi sang đất cho anh T1, đôi bên có thỏa thuận ông K đứng tên sang nhượng, nhưng chi phí làm thủ tục sang tên là do ông bỏ ra để đi làm). Sau đó, ông yêu cầu ông K trả 60.000.000đ và 5.200.000đ tiền chi phí làm thủ tục chuyển nhượng 03 công đất, nhưng ông K không đồng ý. Nay ông yêu cầu ông K phải trả cho ông số tiền 60.000.000đ, rút lại yêu cầu trả chi phí chuyển nhượng 5.200.000đ.

Bị đơn ông Nguyễn Việt K trình bày:

Giao dịch chuyển nhượng đất đúng như ông A trình bày. Ông thừa nhận có nhận 60.000.000đ của ông A, nhưng bằng cách là ông cùng ông A đến Ngân hàng nộp 60.000.000đ vào Ngân hàng để ông ký tên thanh toán rồi lấy giấy CNQSDĐ về. Sau khi thanh toán nợ cho Ngân hàng thì ông A có ký giấy thỏa thuận với ông là cho ông số tiền 60.000.000đ như thỏa thuận ban đầu, còn việc ông A cho rằng ông mượn 60.000.000đ là không có. Sau đó, ông có chuyển nhượng 03 công đất cho anh T1 (*do ông A giới thiệu*) với giá 90.000.000đ để trả phần nợ trước đây còn nợ ông A (nợ 06 chỉ vàng 24k). Các giấy tờ sang nhượng do anh T1 giữ, chi phí làm thủ tục sang tên anh T1 chịu (*thỏa thuận bằng miệng, không có làm giấy tờ*). Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông A.

Tại bản án dân sự sơ thẩm 18/2018/DS-ST ngày 26/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Ngọc A đối với ông Nguyễn Việt K. Buộc ông Nguyễn Việt K phải có nghĩa vụ trả cho ông Võ Ngọc A số tiền 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Ngọc A đối với ông Nguyễn Việt K, về việc yêu cầu ông Nguyễn Việt K phải có nghĩa vụ trả cho ông Võ Ngọc A số tiền 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Ngọc A đối với ông Nguyễn Việt K, về việc yêu cầu ông Nguyễn Việt K phải có nghĩa vụ trả cho ông Võ Ngọc A khoản tiền chi phí làm thủ tục chuyển nhượng 03 (*ba*) công đất với số tiền là 5.200.000đ (*năm triệu hai trăm ngàn đồng*).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí, chi phí giám định và quyền kháng cáo.

Ngày 06/4/2018 bị đơn Nguyễn Việt K có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý trả 30.000.000đ.

Ngày 10/4/2018 nguyên đơn Võ Ngọc A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Mỹ T2 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu buộc ông Nguyễn Việt K phải có nghĩa vụ trả cho ông bà số tiền 60.000.000 đồng, chi phí giám định và án phí sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Nội dung vụ án thể hiện: Các đương sự thống nhất thừa nhận ông A có đưa ông K số tiền 60.000.000đ để ông K lấy giấy CNQSDĐ (là phần đất ông A đã nhận chuyển nhượng của ông K trước đó mà chưa làm thủ tục sang tên) đã thế chấp từ Ngân hàng ra để làm thủ tục sang tên. Ông A cho rằng số tiền 60.000.000đ là ông cho ông K mượn, còn ông K lại xác định số tiền này là ông A cho ông, không có việc cho mượn. Từ đây có sự tranh chấp với nhau về việc có hay không nghĩa vụ trả tiền của ông K đối với ông A.

Xét kháng cáo của ông A, bà T2: Ông bà cho là ông A không có ký trong giấy thỏa thuận cho ông K 60.000.000đ. Cấp sơ thẩm đã yêu cầu giám định 03 lần. Tại kết luận giám định lần thứ nhất, số 82-GĐ-2017 ngày 26/4/2017 do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau thực hiện giám định, đã kết luận: Chữ viết "thống nhất"_ Võ ngọc ẫn" trên "giấy thõ thuận" ngày 29/8/2011 (là giấy thỏa thuận việc ông A cho ông K 60 triệu) so với chữ viết trên tờ giấy kẻ ngang hiệu "HAI TIEN" ngày 23/02/2016 (là giấy biên nhận nhận vàng do ông K trả, ông A thừa nhận ông viết và ký trong giấy này) là do cùng một người viết ra. Sau đó ông A cung cấp chữ viết và chữ ký khác để yêu cầu giám định lại, 02 lần giám định sau Cơ quan giám định kết luận không đủ cơ sở giám định, không kết luận được.

Với kết luận giám định lần thứ nhất như trên, Cơ quan giám định đã kết luận chữ viết trong giấy thỏa thuận cho 60.000.000đ là do ông A ký, cùng với việc ông A xác định tại phiên tòa phúc thẩm là ông với ông K không có quan hệ bà con, không thân thiết và số tiền 60.000.000đ là số tiền lớn đối với ông nhưng ông A không lý

giải được vì sao khi cho mượn 60.000.000đ mà ông không yêu cầu ông K viết biên nhận và ông A cũng không lý giải được vì sao vào ngày 23/02/2016 (sau khi ông K bán tiếp 03 công đất) ông K trả nợ cho ông 06 chỉ vàng 24k (ông A có viết giấy nhận của ông K 06 chỉ vàng 24k), mà ông A không đặt vấn đề việc ông K còn nợ 60.000.000đ để tính luôn cùng với số nợ 06 chỉ vàng 24k, dù theo ông A, số nợ 60.000.000đ này ông cho ông K mượn để chuộc giấy CNQSDĐ từ Ngân hàng vào năm 2011.

Từ những căn cứ và phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định có việc ông A cho ông K 60.000.000đ để chuộc giấy CNQSDĐ về nhằm sang tên quyền sử dụng đất cho ông A.

Tại phiên tòa, bà T2 xác định bà đi mượn 60.000.000đ về đưa cho ông A đi giao dịch chứ bà không trực tiếp tham gia giao dịch giữa ông A và ông K. Như vậy, việc ông A cho ông K 60.000.000đ như căn cứ và nhận định trên là giao dịch dân sự giữa ông A với ông K, nay bà T2 không chấp nhận giao dịch của ông A là vấn đề nội bộ giữa vợ chồng ông A, bà T2, không thể cho là ông A quyết định vượt quá phạm vi về quyền định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng như nhận định của cấp sơ thẩm.

Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông A, bà T2. Cần sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A.

Về chi phí giám định và án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông A phải chịu.

[2] Xét kháng cáo của ông K, như nhận định trên, nên yêu cầu kháng cáo của ông K được chấp nhận.

[3] Như nhận định trên, nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông A, bà T2 không được chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Việt K đã được miễn dự nộp án phí phúc thẩm (do ông K là thương binh).

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Ngọc A, bà Trương Thị Mỹ T2; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Việt K.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 26/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Ngọc A đối với ông Nguyễn Việt K về việc yêu cầu ông Nguyễn Việt K phải có nghĩa vụ trả cho ông Võ Ngọc A số tiền 60.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng*).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Ngọc A về việc yêu cầu ông Nguyễn Việt K phải trả cho ông khoản tiền chi phí làm thủ tục chuyển nhượng 03 (*ba*) công đất với số tiền là 5.200.000đ (*năm triệu hai trăm ngàn đồng*).

3. *Về chi phí giám định*:

Ông Võ Ngọc A phải chịu chi phí giám định với số tiền là 5.150.000đ, ông Võ Ngọc A đã nộp số tiền 5.150.000đ được đối trừ.

4. *Về án phí dân sự*:

- Ông Võ Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 3.000.000đ, ngày 29/11/2016 ông A đã nộp tiền tạm ứng án phí 1.630.000đ (biên lai số 003048) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đầm Dơi, được đối trừ, ông A còn phải nộp tiếp số tiền 1.370.000đ (một triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng).

- Ông Nguyễn Việt K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Ngọc A, bà Trương Mỹ T2 phải chịu. Ông A và bà T2 đã dự nộp mỗi người 300.000đ (theo các biên lai số 0009814 và 0009813) cùng ngày 10 tháng 4 năm 2018, được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Cao Khánh